Thứ Tư, Ngày 15 Tháng 2 Năm 2023

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

***"Sắc xanh trở lại"***

▶ Thị trường chứng khoán tăng trong phiên hôm nay. Đa số cổ phiếu giao dịch trong sắc xanh. Các nhóm ngành đều đã có nhịp phục hồi trong phiên hôm nay.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 9.56 điểm (+0.92%), đạt 1,048.20 điểm; HNX-Index tăng 3.11 điểm (+1.52%), đạt 207.97 điểm. Thanh khoản toàn thị trường đạt 9.8 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 585.7 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng 327.76 tỷ đồng, tập trung ở STB.

▶ VPB (+2.99%), BID (+1.38%), GAS (+1.42%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, STB (-4.30%), NVL (-6.69%), EIB (-4.98%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Hầu hết các nhóm ngành đều tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay. Xây dựng và vật liệu, Dầu khí, Dịch vụ tài chính là 3 nhóm ngành tăng mạnh nhất: VGC, PLX, HCM.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Chỉ số lấy lại sắc xanh phiên hôm nay dù giao dịch vẫn khá giằng co. Sự bật tăng trần ở nhóm Đầu tư công mang lại những tia sáng cho thị trường, tuy nhiên, nhóm này lại không đóng góp nhiều vào đà tăng của chỉ số. Điều này cho thấy dòng tiền đang khá phân hóa và chỉ số vẫn thiếu đi trụ đỡ, đà lan tỏa từ đó cũng hạn chế hơn. Điểm tích cực là khớp lệnh phiên hôm nay tăng cao so với phiên hôm trước cho thấy dòng tiền chấp nhận tham gia ở vùng giá hiện tại, tạo cơ sở cho thị trường cân bằng. Nhìn chung, tín hiệu volume cải thiện cùng với RSI, MACD phục hồi nhẹ cho thấy thị trường sẽ có những nhịp hồi kỹ thuật. Tuy nhiên cần lưu ý, chỉ số vẫn đang vận động trong pha giảm nên có thể đảo chiều bất cứ lúc nào, cần thêm tín hiệu bứt phá khỏi kháng cự 1,060 điểm để xác nhận. Nhịp hồi chỉ phù hợp với vị thế lướt sóng ngắn hạn.

**VN Index** | **VN30 Index** | **HNX Index**




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,046 | 0.7 | -1.3 | -29.9 | 13.5 | 1.7 | 4,145,208 |
| VN30 Index | 1,043 | 0.8 | -2.5 | -31.7 | 10.9 | 1.6 | 3,038,018 |
| VN Midcap | 1,291 | 1.2 | -3.7 | -38.0 | 10.6 | 1.2 | 708,427 |
| VN Smallcap | 1,102 | 1.6 | 0.7 | -44.1 | 13.0 | 0.9 | 216,444 |
| HNX Index | 208 | 1.8 | -1.3 | -50.8 | 15.5 | 1.1 | 240,231 |
| UpCom | 79 | 1.6 | 9.8 | -28.8 | 12.1 | 1.6 | 993,143 |

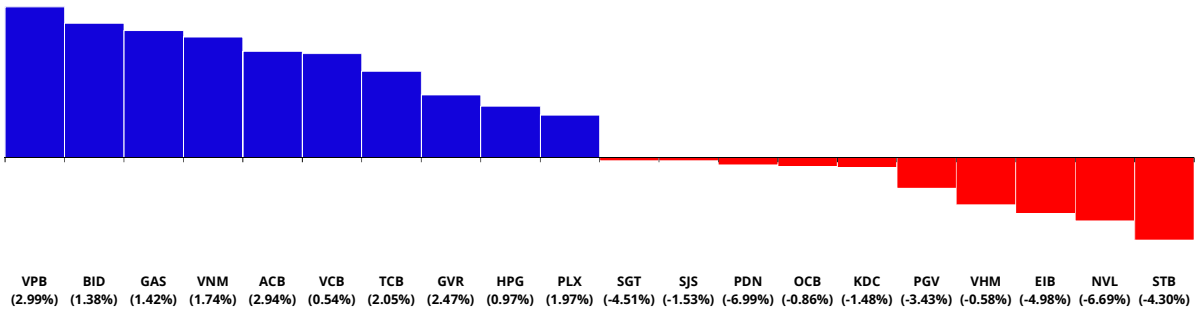
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | 1.5 | 4.0 | 2.4 | 0.7 | 16.4 | 2.5 | 85,917 |
| Bảo hiểm | 0.9 | 1.4 | 6.2 | -11.0 | 19.3 | 1.7 | 48,279 |
| Bất động sản | -1.1 | -8.9 | -5.4 | -48.2 | 13.2 | 1.4 | 707,528 |
| CNTT | 1.2 | 2.3 | 5.7 | 1.2 | 17.2 | 3.3 | 101,905 |
| Dầu khí | 2.4 | 5.2 | 21.9 | -30.4 | 41.3 | 2.5 | 61,183 |
| Dịch vụ tài chính | 2.0 | -3.0 | 5.8 | -45.0 | 12.6 | 1.1 | 99,283 |
| Tiện ích | 1.1 | 2.3 | 5.6 | -16.3 | 12.3 | 2.1 | 320,246 |
| Du lịch và Giải trí | 0.7 | -8.4 | -7.9 | -36.5 | n.a | 9.7 | 93,776 |
| Hàng & DV CN | -0.1 | -0.8 | 0.1 | -20.5 | 10.5 | 1.4 | 114,284 |
| Hàng CN & Gia dụng | 0.4 | -3.8 | -4.6 | -12.7 | 10.5 | 1.7 | 49,426 |
| Hóa chất | 1.3 | -0.7 | 0.5 | -43.6 | 6.1 | 1.2 | 131,515 |
| Ngân hàng | 1.3 | 1.0 | 8.3 | -19.7 | 8.0 | 1.5 | 1,578,615 |
| Ô tô và phụ tùng | 1.5 | 0.6 | 3.0 | -40.8 | 10.3 | 0.9 | 18,452 |
| Tài nguyên Cơ bản | 1.4 | 4.4 | 15.3 | -43.7 | 20.4 | 1.1 | 161,497 |
| Th.phẩm & Đồ uống | 0.5 | -2.6 | 2.3 | -15.5 | 22.0 | 3.3 | 508,946 |
| Truyền thông | 0.7 | 8.4 | 10.8 | -43.5 | 11.7 | 0.7 | 976 |
| Xây dựng và Vật liệu | 3.4 | 1.6 | 10.2 | -42.4 | 13.5 | 1.0 | 86,308 |
| Y tế | 0.3 | 5.9 | 7.2 | -9.8 | 13.3 | 2.0 | 32,679 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 103 | 0.2 | 0.0 | 1.2 | -2.8 | -0.1 | 7.8 |
| USD/JPY | 133 | 0.0 | 1.3 | 3.5 | -4.4 | 1.5 | 15.1 |
| USD/CNY | 7 | 0.2 | 0.7 | 1.6 | -2.9 | -0.8 | 7.9 |
| KRW/USD | 1,284 | 1.2 | 1.9 | 3.9 | -2.5 | 1.5 | 7.0 |
| EUR/USD | 1 | 0.2 | 0.0 | 1.0 | -3.4 | -0.1 | 6.0 |
| USD/VND | 23,616 | 0.1 | 0.5 | 0.7 | -4.8 | -0.1 | 3.8 |
| Dầu Thô | 78 | -0.8 | -0.1 | -1.8 | -9.8 | -2.3 | -14.8 |
| Xăng | 237 | -4.7 | -3.7 | -6.4 | -5.8 | -3.6 | -11.2 |
| Khí đốt | 3 | -0.2 | 6.9 | -25.1 | -57.6 | -42.8 | -40.5 |
| Than | 220 | -0.7 | -14.1 | -40.7 | -33.6 | -45.7 | -8.5 |
| Vàng | 1,848 | -0.3 | -1.5 | -3.5 | 3.9 | 1.3 | -0.3 |
| Thép cuộn | 4,181 | -0.2 | 0.7 | -0.4 | 8.9 | 0.8 | -18.0 |

**Đóng góp vào VN Index**





Mở tài khoản

**[ Chuyên viên phân tích ]**
**Khang Trần**
(84-28) 6299 - 8037
khang.lt@shinhan.com

**Mỹ Mỹ**
(84-28) 6299 - 7276
my.vm@shinhan.com


Shinhan Securities

# Điểm tin thị trường

## Tin tức doanh nghiệp

**1) HAG – Sản xuất:** HAGL đạt gần 100 tỷ đồng lợi nhuận tháng 1/2023 trong bối cảnh giá chuối tăng, sản lượng chuối cao như kỳ vọng và giá thịt heo vẫn đang duy trì ở mức thấp. Cụ thể, tháng 1/2023 doanh thu thuần đạt 509 tỷ đồng, trong đó ngành chăn nuôi đem về 206 tỷ, ngành cây ăn trái 197 tỷ và 106 tỷ đồng đến từ ngành phụ trợ. Lợi nhuận sau thuế tháng đầu năm đạt 98.7 tỷ đồng.

**2) CRE – Bất động sản:** Công ty CP Bất động sản Thế Kỷ vừa công bố doanh thu thuần trong quý 4/2022 chỉ đạt 175 tỷ đồng, giảm 84% so với cùng kỳ. Đồng thời, việc kinh doanh dưới giá vốn khiến khoản lỗ gộp gần 5 tỷ đồng. Trong cơ cấu doanh thu, mảng đầu tư bất động sản ghi nhận doanh thu giảm gần một nửa về còn 2,075 tỷ đồng, trong khi mảng môi giới bất động sản giảm nhẹ còn 1,424 tỷ đồng. Kết quả, trong quý 4/2022 Cen Land báo lỗ ròng 59 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2022, Cen Land ghi nhận lãi 198 tỷ đồng giảm mạnh so với con số 450 tỷ đồng của năm 2021.

**3) HVN – Vận tải:** Chiều nay 14/2, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam đã ký kết hợp tác chiến lược giai đoạn 2023-2028 với Tổng Công ty Viễn thông MobiFone. Theo thỏa thuận vừa được ký kết, Vietnam Airlines sẽ hợp tác với MobiFone để xây dựng các hạ tầng số của hãng như hệ thống điện toán đám mây (cloud computing), hạ tầng kết nối trong nước và quốc tế, mạng viễn thông dành riêng và công cộng ứng dụng công nghệ 4G, 5G,...

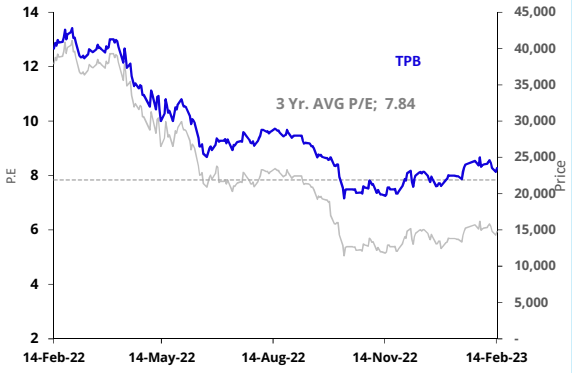
**4) HBC - Xây dựng:** Ông Nguyễn Công Phú rút khỏi HĐQT Xây dựng Hoà Bình. Đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của ông Nguyễn Công Phú sẽ được xem xét thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Với việc rút khỏi HĐQT, ông Phú ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT HBC là ông Lê Viết Hải tham dự, thảo luận, biểu quyết tại tất cả cuộc họp, lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản hoặc hình thức khác liên quan đến HĐQT HBC.

**5) PDR – Bất động sản:** Ông Nguyễn Văn Đạt bị CTCP Chứng khoán Mirea Asset bán giải chấp 5,268 triệu cổ phiếu PDR trong phiên 13/2/2023 do bị hiểu nhầm trong quá trình trao đổi thông tin. Qua đó hạ sở hữu của Chủ tịch Phát Đạt xuống còn 283.2 triệu cổ phần, tương đương 42.95% vốn điều lệ công ty. Ngay sau khi phát hiện sự cố, các bên đã liên lạc với nhau và Mirea Asset cũng đã dừng lệnh bán. Ông Đạt cùng với công ty chứng khoán này đang liên lạc với nhau để giải quyết sự việc.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

### Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TPB

**TPB – Ngân hàng:** TPBank sắp trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 25%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 20/02/2023. Về hoạt động kinh doanh, tính chung cả năm 2022, thu nhập lãi thuần của TPBank tăng 14% so với năm trước, đạt gần 11,387 tỷ đồng. Hoạt động dịch vụ tăng trưởng đến 75%, thu được gần 2,692 tỷ đồng tiền lãi nhờ tăng thu từ hoạt động thanh toán và thu phí dịch vụ khác. Đáng chú ý, lãi từ hoạt động khác gấp 2.9 lần năm trước, đạt hơn 702 tỷ đồng. Trong năm, TPBank trích gần 1,844 tỷ đồng để dự phòng rủi ro tín dụng, giảm 37%, do đó Ngân hàng thu về hơn 7,828 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 30% so với năm trước.



# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 2/14/2023 | 2/15/2023 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xây dựng và Vật liệu | 12.4 | 333 | 531 | 473 | |
| 2 | Bất động sản | -16.7 | 1,196 | 984 | 1,182 | |
| 3 | Tài nguyên Cơ bản | -22.4 | 757 | 532 | 685 | |
| 4 | Dầu khí | -30.0 | 71 | 77 | 110 | |
| 5 | Truyền thông | -36.8 | 1 | 0 | 1 | |
| 6 | Du lịch và Giải trí | -40.3 | 30 | 18 | 31 | |
| 7 | Dịch vụ tài chính | -42.7 | 458 | 368 | 641 | |
| 8 | Công nghệ Thông tin | -44.9 | 56 | 33 | 60 | |
| 9 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -47.8 | 86 | 60 | 115 | |
| 10 | Hóa chất | -49.8 | 245 | 142 | 283 | |
| 11 | Ô tô và phụ tùng | -50.1 | 45 | 24 | 48 | |
| 12 | Thực phẩm và đồ uống | -50.5 | 481 | 300 | 606 | |
| 13 | Y tế | -51.6 | 7 | 6 | 11 | |
| 14 | Hàng cá nhân & Gia dụng | -51.6 | 64 | 37 | 76 | |
| 15 | Ngân hàng | -54.5 | 1,282 | 725 | 1,595 | |
| 16 | Bán lẻ | -58.9 | 106 | 65 | 158 | |
| 17 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -59.7 | 211 | 98 | 243 | |

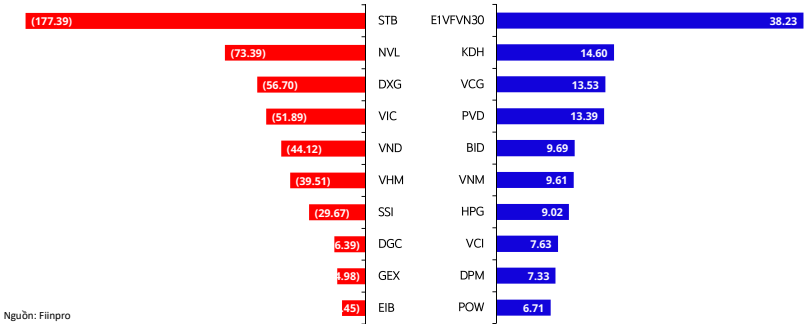
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| HSG | Tập đoàn Hoa Sen | Tài nguyên Cơ bản | 15,100 | 1.7 | 4.5 | 30.7 | 36 | 283.4 | |
| VIC | VinGroup | Bất động sản | 52,900 | 0.0 | -2.8 | -1.7 | 59 | 173.8 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 42,500 | -0.6 | -8.8 | -11.5 | 49 | 180.6 | |
| KDC | Tập đoàn KIDO | Thực phẩm và đồ uống | 59,600 | -2.3 | 0.0 | -8.3 | 34 | 87.5 | |
| HRC | Cao su Hòa Bình | Hóa chất | 54,000 | 0.0 | 0.0 | -1.8 | 348 | 28.3 | |
| CTF | City Auto | Ô tô và phụ tùng | 35,550 | 2.9 | 3.9 | 8.1 | 81 | 33.4 | |
| VPI | Đầu tư Văn Phú - Invest | Bất động sản | 52,200 | -0.4 | -0.8 | -3.0 | 18 | 30.5 | |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng | 93,000 | 0.5 | -1.3 | 16.3 | 5 | 83.7 | |
| APG | Chứng khoán APG | Dịch vụ tài chính | 6,450 | 2.7 | 13.2 | 3.2 | 30 | 13.7 | |
| TDP | Công ty Thuận Đức | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 31,900 | 0.3 | 0.0 | -2.0 | 13 | 5.5 | |
| SJS | SUDICO | Bất động sản | 45,100 | -1.5 | -3.6 | -0.9 | (25) | 4.7 | |
| VRE | Vincom Retail | Bất động sản | 28,350 | 1.3 | -0.5 | 7.8 | (10) | 27.3 | |
| HPX | Đầu tư Hải Phát | Bất động sản | 4,220 | 2.9 | -13.2 | -8.3 | (34) | 24.7 | |
| PDR | BĐS Phát Đạt | Bất động sản | 10,900 | 2.8 | -11.7 | -19.9 | (41) | 52.5 | |
| VPB | VPBank | Ngân hàng | 17,200 | 3.0 | -4.2 | -3.9 | (21) | 215.7 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| APG | Chứng khoán APG | Dịch vụ tài chính | 6,450.0 | 2.7 | 13.2 | 3.2 | 8.9 | 6.45 | |
| YEG | Tập đoàn Yeah1 | Truyền thông | 9,650.0 | 2.8 | 1.6 | 8.3 | 3.0 | 9.65 | |
| TTB | Tập đoàn Tiến Bộ | Xây dựng và Vật liệu | 4,020.0 | -0.2 | 4.1 | -1.0 | 1.2 | 4.02 | |
| TDH | Thủ Đức House | Bất động sản | 3,040.0 | 0.0 | -0.3 | 8.6 | -0.3 | 3.04 | |
| TNA | XNK Thiên Nam | Tài nguyên Cơ bản | 6,000.0 | 0.8 | -0.8 | -3.1 | -0.6 | 6.00 | |
| HPX | Đầu tư Hải Phát | Bất động sản | 4,220.0 | 2.9 | -13.2 | -8.3 | -9.7 | 4.22 | |
| KPF | Đầu tư Tài chính Hoàng Minh | Xây dựng và Vật liệu | 10,350.0 | -0.5 | -7.6 | -14.5 | -5.0 | 10.35 | |
| PDR | BĐS Phát Đạt | Bất động sản | 10,900.0 | 2.8 | -11.7 | -19.9 | -8.4 | 10.90 | |
| VIC | VinGroup | Bất động sản | 52,900.0 | 0.0 | -2.8 | -1.7 | -2.0 | 52.90 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 42,500.0 | -0.6 | -8.8 | -11.5 | -6.1 | 42.50 | |

## Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)




Nguồn: Fiinpro

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

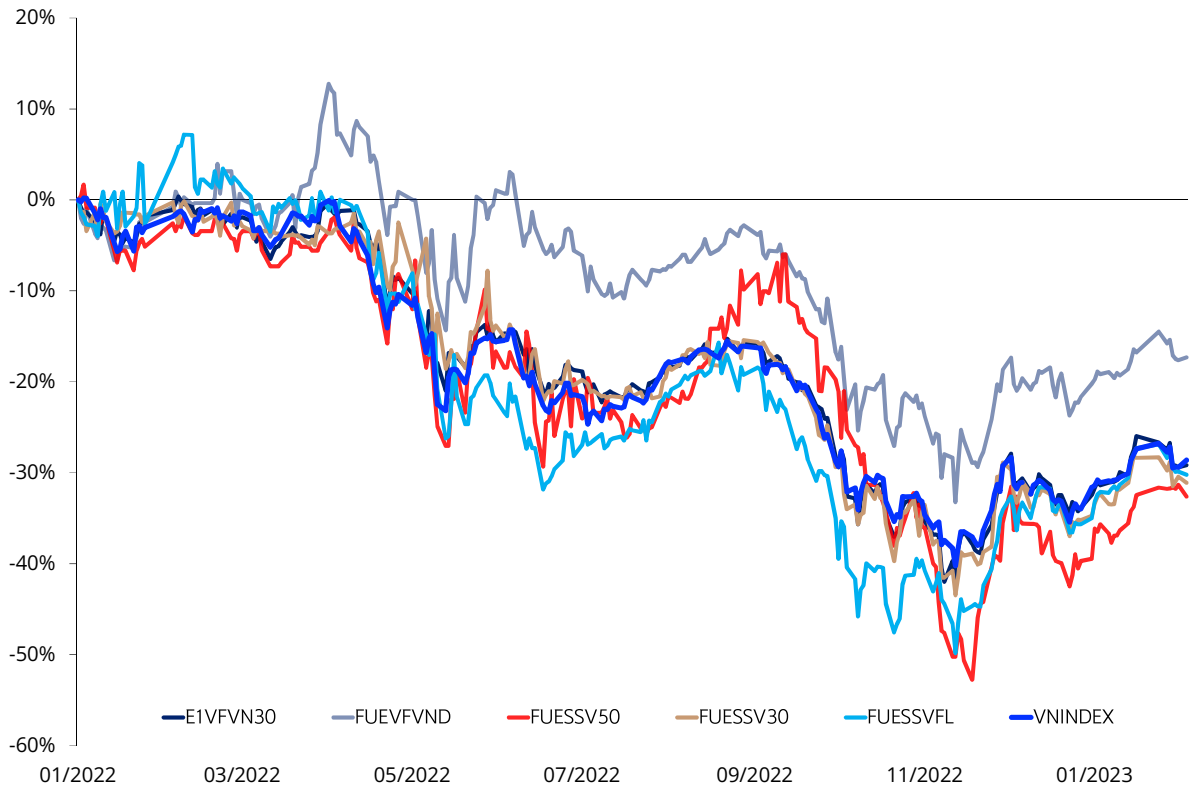
| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 2/15/2023 | 1,905.7 | 2,233.7 | -328.0 |
| 2/14/2023 | 1,066.6 | 1,009.8 | 56.9 |
| 2/13/2023 | 956.8 | 1,037.4 | -80.6 |
| 2/10/2023 | 1,197.0 | 1,169.2 | 27.8 |
| 2/9/2023 | 1,463.6 | 1,443.6 | 20.0 |
| 2/8/2023 | 1,623.2 | 1,239.2 | 384.0 |
| 2/7/2023 | 1,050.6 | 1,015.3 | 35.4 |
| 2/6/2023 | 1,494.8 | 1,101.5 | 393.4 |
| 2/3/2023 | 1,504.0 | 973.7 | 530.3 |
| 2/2/2023 | 1,713.8 | 1,281.1 | 432.7 |
| 2/1/2023 | 1,576.8 | 1,484.8 | 92.0 |
| 1/31/2023 | 1,248.6 | 1,368.1 | -119.4 |
| 1/30/2023 | 1,730.2 | 984.5 | 745.6 |
| 1/27/2023 | 1,557.9 | 1,035.7 | 522.2 |
| 1/19/2023 | 1,825.2 | 1,028.4 | 796.9 |
| 1/18/2023 | 1,513.2 | 815.5 | 697.7 |

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 17,830 | 1.0% | -2.9% | 2.9% | 39,900 | 0.7 | |
| 2 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 22,700 | 0.5% | -1.6% | 1.3% | 258,300 | 5.8 | |
| 3 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 16,590 | 3.7% | 11.9% | 18.1% | 1,600 | 0.0 | |
| 4 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 12,970 | 2.1% | -1.2% | 3.9% | 1,300 | 0.0 | |
| 5 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 8,110 | 1.8% | -3.6% | 0.1% | 1,900 | 0.0 | |
| 6 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 7,260 | 0.6% | -3.1% | 0.6% | 14,500 | 0.1 | |
| 7 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 6,740 | 0.0% | -3.3% | 1.4% | 50,700 | 0.3 | |
| 8 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 8,810 | 0.0% | -2.2% | 4.6% | 50,000 | 0.4 | |
| 9 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 12,220 | 0.3% | -3.4% | 2.5% | 9,500 | 0.1 | |
| 10 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 14,870 | 1.8% | -2.9% | 3.6% | 8,600 | 0.1 | |
| 11 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 13,290 | 0.5% | -2.7% | 2.6% | 17,800 | 0.2 | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | E1VFVN30 | DCVFM | 8/14/2014 | VN30 | 360.6 | 18.8 | 36.8 | -30.6 | 25.8 | 1.0 | 1.32 | 1.6 | 8.6 | 62.2 |
| 2 | FUEVFVND | DCVFM | 5/12/2020 | VNDIAMOND | 826.6 | 20.0 | 131.1 | -20.4 | 31.9 | 0.9 | 1.07 | 1.7 | 8.1 | 87.8 |
| 3 | FUESSV50 | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50 | 5.9 | -0.2 | -4.3 | -25.9 | 42.7 | 1.0 | 1.37 | 1.5 | 9.3 | 49.1 |
| 4 | FUESSV30 | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 2.9 | 0.0 | 0.0 | -31.4 | 35.8 | 0.9 | 1.38 | 1.6 | 9.6 | 61.7 |
| 5 | FUEDCMID | DCVFM | 9/29/2022 | VNMID | n.a | 0.0 | 0.0 | n.a | n.a | 1.2 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 6 | FUEIP100 | IPAAM | 7/28/2021 | VN100 | n.a | 0.0 | 0.0 | -34.4 | 25.6 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 7 | FUEKIV30 | HVCapital | 1/6/2022 | VN30 | 17.6 | 0.0 | 2.7 | -32.4 | 36.0 | 0.9 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | FUEKIVFS | HVCapital | 11/3/2022 | VNFINSELECT | n.a | 0.0 | 0.0 | n.a | n.a | 1.2 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 9 | FUEMAV30 | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | 0.0 | -3.5 | -32.1 | 25.5 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 10 | FUESSVFL | SSIAM | 2/24/2020 | VNFINLEAD | 155.6 | 0.0 | 10.4 | -34.2 | 38.6 | 0.9 | 0.72 | 1.1 | 6.3 | 83.6 |
| 11 | FUEVN100 | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | n.a | 0.0 | 0.0 | -33.6 | 30.5 | 0.9 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg

## SEOUL
Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK
Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG
Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA
PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI
Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To
Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.